

Tạo động cơ học tập cho sinh viên các trường đại học trong bối cảnh hiện nay

Tống Thị Thu Hòa*

*ThS. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Received: 16/9/2023; Accepted: 22/9/2023; Published: 4/10/2023

Abstract: The urgent requirement of credit-based training is that students need to actively study. However, currently, at universities, the number of students who are not interested in the subject and are passive in the learning process is not small. Consequently, students neglect their studies for the whole semester, and when it comes to exams, they stay up all night and day cramming knowledge, making studying like "water off a duck's back", "study first and forget later", "knowledge will be back to the teacher". Neglecting education causes students to lose the opportunity to gain knowledge and the serious consequence is that the future owners of the country lack the necessary skills to survive and develop after graduation. Faced with that situation, it is necessary to come up with solutions to stimulate students' interest and actively participate in learning.

Keywords: Attract, motivate, students

1. Đặt vấn đề

Nhiều nhân tố giúp sinh viên (SV) tích cực học tập như mục tiêu đánh giá của nhà trường; sự hợp lý, hấp dẫn của nội dung trong khung chương trình; tinh thần tự giác học tập của SV, trong đó giảng viên (GV) cũng đóng vai trò nhất định giúp cho việc học tập của SV đạt hiệu quả cao hơn. Đứng trên bục giảng của trường đại học, GV cần xác định được vai trò của mình trong việc thúc đẩy SV học tập.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm động cơ học tập (ĐCHT)

Động cơ trong tiếng Latin là Motif, có nghĩa là nguyên nhân thúc đẩy con người hành động. Nguyên nhân này nằm bên trong chủ thể có thể xuất phát từ nhu cầu sinh lý hay tâm lý. (vì đói khát mà con người đi tìm thức ăn, nước uống; vì yêu quý thầy cô mà trẻ học hành...)

Theo từ điển Tiếng Việt: “Động cơ là những gì thôi thúc con người có những ứng xử nhất định một cách vô thức hay hữu ý và thường gắn liền với những nhu cầu”.

Theo Nguyễn Quang Uẩn: “Động cơ là cái thúc đẩy con người hoạt động nhằm thỏa mãn nhu cầu, là cái làm nảy sinh tính tích cực và quy định xu hướng của hướng tích cực đó. Động cơ là động lực kích thích trực tiếp, là nguyên nhân trực tiếp của hành vi”

Theo Phan Trọng Ngọ: “ĐCHT là cái mà việc học của họ phải đạt được để thỏa mãn nhu cầu của mình. Nói ngắn gọn, học viên học vì cái gì thì đó chính là ĐCHT của học viên”.

Như vậy, ĐCHT là yếu tố định hướng, thúc đẩy hoạt động học tập, nó phản ánh đối tượng có khả năng thỏa mãn nhu cầu chiếm lĩnh tri thức của người học.

2.2. Sự hình thành ĐCHT

Theo Nguyễn Thạc: Tất cả sự kiện, vật chất hay hành động đều trở thành động cơ nếu chúng liên quan đến nguồn gốc tích cực (các nhu cầu) của con người

Theo Phạm Minh Hạc: “Động cơ tâm lý không phải cái thuần túy bên trong cá thể. Nó phải được vật thể hoá vào đối tượng của hoạt động. Điều đó có nghĩa động cơ phải có một hình thức tồn tại vật chất, hiện thực ở bên ngoài. Với ý nghĩa đó đối tượng của hoạt động là nơi hiện thân của hoạt động ấy”

Theo Piaget: Động cơ là tất cả các yếu tố thúc đẩy cá thể hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu và định hướng cho hoạt động đó. Động cơ tồn tại ở hai dạng: động cơ bên trong và động cơ bên ngoài. Động cơ bên trong của mỗi người được hình thành từ sự thích thú đối với hoạt động học tập nhằm thỏa mãn nhu cầu hiểu biết. Động cơ bên ngoài được hình thành không phải do sự hứng thú của bản thân trong việc học mà là sự hứng thú từ kết quả của việc học tập mang lại (được điểm cao, được khen thưởng, tránh bị phạt, để làm vui lòng ai đó, ...). Willis J. Edmondson cho rằng: ĐCHT bên trong do xuất phát từ đam mê, yêu thích, niềm vui và có nhu cầu thực sự, ĐCHT bên ngoài do chịu tác động của ngoại cảnh như khen ngợi của thầy cô và cha mẹ, môi trường giảng dạy, tài liệu học tập.

Nguồn gốc bên trong của động cơ như: hứng thú, chú ý, ý chí, nhu cầu... trong đó quan trọng nhất là nhu cầu của con người. Nhu cầu gặp được đối tượng có điều kiện thực hiện sẽ trở thành động cơ. Đối tượng của hoạt động học là những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo. Đối tượng này tồn tại bên ngoài chủ thể, có

ý nghĩa đối với chủ thể, làm nảy sinh chủ thể nhu cầu chiếm lĩnh nó. Khi nhu cầu chiếm lĩnh đối tượng được chủ thể ý thức sẽ trở thành động cơ thúc đẩy, định hướng, duy trì hoạt động học tập. Như vậy động cơ gắn liền với nhu cầu, mong muốn của cá nhân. Nói cách khác nhu cầu, mong muốn chính là yếu tố bên trong quan trọng hình thành nên động cơ của chủ thể.

Nguồn gốc bên ngoài của động cơ: GV, nội dung học tập, phương pháp học tập, hình thức tổ chức dạy học, môi trường học tập, gia đình, xã hội... Khi nhu cầu học tập của người học chưa cao thì GV cần phải khai thác và phát huy các thành tố của quá trình dạy học, khơi dậy tính tích cực của người học, chuyển hoá dần động cơ bên ngoài thành động cơ bên trong của người học.

2.3. Vai trò của GV trong việc tạo ĐCHT cho học viên

Để hình thành ĐCHT cho học viên, vai trò của GV rất quan trọng. Thật vậy, cùng với sự hấp dẫn của nội dung bài học, thì sự vận dụng khéo léo, linh hoạt, phù hợp có hiệu quả các phương pháp dạy học và nhất là cách giao tiếp thân thiện, nhiệt tình, tôn trọng, nghiêm túc, vui vẻ, quan tâm tới người học... của GV sẽ tạo những cảm xúc dương tính, trở thành động cơ thúc đẩy họ tích cực trong học tập.

Nội dung bài giảng phù hợp với trình độ, đáp ứng nhu cầu của học viên. Điều này, sẽ cuốn hút học viên vào bài giảng, tạo hứng thú trong học tập, thu hút sự chú ý lắng nghe của họ đối với những vấn đề mà họ quan tâm, họ cần. GV chia sẻ cùng học viên những kinh nghiệm làm tốt, làm hay của cá nhân, tập thể. Người học rất muốn nghe những kinh nghiệm này. Họ muốn được chia sẻ kinh nghiệm giải quyết tình huống của bạn học, GV. Họ cũng muốn chia sẻ những khó khăn, vướng mắc của mình trong công việc để GV và lớp cùng tháo gỡ.

Nội dung bài giảng thể hiện ở những line của giáo án điện tử. Do vậy, trong thiết kế giáo án điện tử cũng cần chú ý: ở mỗi slide bài giảng không quá nhiều chữ, màu sắc đơn giản để tập trung sự chú ý của người học và tiện việc ghi chép những nội dung mà họ thấy cần. Kích cỡ chữ, cách dòng phù hợp giúp cho việc tri giác được dễ dàng... Khai thác hiệu quả công nghệ thông tin trong bài giảng làm nổi bật thông điệp người dạy muốn truyền tải.

Trong giảng dạy GV nên sử dụng phương pháp thuyết trình cho phù hợp với lớp đông học viên. Khi sử dụng phương pháp thuyết trình, người dạy chú ý tới âm lượng, nhịp điệu trong giọng nói; nên có

những ví dụ, liên hệ thực tế, giúp người học liên hệ được kiến thức với kinh nghiệm của bản thân, cần chủ động phát huy kinh nghiệm của người học trong quá trình xây dựng bài học.

Phương pháp thuyết trình có thể kết hợp với phương pháp vấn đáp bằng hệ thống câu hỏi linh hoạt sẽ tạo được hứng thú cho học viên trong lớp học. Người học với đặc điểm tâm lý là ngại giờ tay phát biểu ý kiến, vì sợ sai, bị đánh giá nên khi xây dựng hệ thống câu hỏi chú ý tới nguyên tắc dạy học “sát đối tượng”. GV có thể tăng dần mức độ khó của các câu hỏi, tùy từng lớp học, từng học viên mà có những câu hỏi vừa sức, khuyến khích học viên trả lời bằng lời nói, điểm số... kích thích học viên trong học tập.

Ngoài ra, còn rất nhiều phương pháp tích cực có thể áp dụng trong giảng dạy học viên như thảo luận nhóm, nghiên cứu trường hợp điển hình qua câu chuyện kể, đoạn clip, trò chơi ô chữ, những trò chơi phá “tảng băng”. Những phương pháp này sẽ góp phần tạo sự hào hứng, tạo ấn tượng cho người học nhằm truyền tải nội dung giảng dạy một cách nhẹ nhàng, hiệu quả.

GV tùy theo mục tiêu, nội dung bài giảng, khả năng, trình độ người học, trang thiết bị dạy học mà lựa chọn, phối hợp các phương pháp giảng dạy cho phù hợp, tăng cường hoạt động của người học, hướng tới mục tiêu hình thành năng lực cho người học.

2.4. Giải pháp tạo ĐCHT cho SV

2.4.1. Đổi mới phương pháp giảng dạy

Trong một thời gian dài trước đây, phương pháp dạy học lấy việc trang bị kiến thức làm nhiệm vụ cơ bản. Do vậy, dung lượng và mức độ đồng hóa kiến thức là mục tiêu của việc dạy học. Cách tiếp cận mục tiêu giáo dục phổ biến ở các nước trên thế giới khoảng 2-3 thập kỷ trước là trang bị cho người học một hệ thống tri thức, kỹ năng và thái độ được xác định theo một chuẩn mực có thể đo lường, đánh giá được. Yêu cầu cơ bản của cách tiếp cận này là làm cho người học đạt được các mục tiêu giáo dục được xác định dựa trên 3 nguồn thông tin chủ yếu: người học, thực tiễn cuộc sống và ý kiến các chuyên gia. Căn cứ người học ở đây được xác định dựa trên trình độ chung của người học trong một hệ thống giáo dục chứ không phải nhu cầu, sở thích cá nhân. Phương pháp giảng giải thịnh hành như một phương pháp chủ yếu để phổ biến kiến thức cho học sinh, SV theo cách tiếp cận này. Ưu điểm của nó là có thể truyền đạt kiến thức một cách hiệu quả, đặc biệt với một lượng học viên lớn trong lớp. Cũng có nhiều người học được rất tốt từ phương pháp này đặc biệt

là khi có GV giỏi. Nhưng phương pháp này có nhược điểm lớn là người học chỉ nghe một cách thụ động nên không hứng thú khi học, tiếp thu không được tốt bài giảng. Tuy nhiên, đây vẫn là phương pháp đang được áp dụng phổ biến trong nền giáo dục Việt Nam hiện nay và hậu quả là phần đông SV không có hứng thú trong giờ học.

2.4.2. Tôn trọng tài năng và phương pháp học đa dạng của SV

Có nhiều cách thức học tập khác nhau. SV mang đến trường với những năng lực và kiểu học tập rất khác nhau. Nhưng SV xuất sắc trong phòng seminar có thể lại rất vụng về trong phòng thí nghiệm hay trong một studio nghệ thuật. Nhưng SV thực hành tốt chưa chắc đã học tốt về lý thuyết. Do vậy mỗi SV cần có cơ hội để thể hiện tài năng riêng của họ và được học theo cách hữu hiệu nhất với mỗi người. Sau đó họ có thể buộc phải học theo cách mới mà họ chưa quen. Chẳng hạn, mỗi học viên đều có phương pháp ghi chép riêng nhưng dù sao GV cũng nên hướng dẫn về các vấn đề như: Thông tin có trong sách hay trong tài liệu có được phát không? Có cần thiết phải ghi quá chi tiết không? Các con số và sự kiện cụ thể có quan trọng không? Liệu trong bài kiểm tra có hỏi về chúng không?

2.4.3. Ra nhiều bài tập và tiểu luận: Trước, trong và sau bài giảng, GV phải yêu cầu học viên viết đề trình bày các câu hỏi, ý kiến, quan điểm hoặc làm các bài tập vận dụng. Các bài tập này sẽ giúp người học phải tự đào sâu tìm hiểu rõ kiến thức lý thuyết, nhận biết được các tiêu chuẩn, niềm tin, quan điểm thái độ, xem xét mối quan hệ giữa lý thuyết và thực hành, sau đó chia sẻ các tiêu chuẩn đó với người khác. Phần lớn các hoạt động này cần sự tin tưởng thực sự, sự thường xuyên trao đổi giữa các thành viên trong nhóm. Các bài viết có thể được giữ kín, được dùng trong nhóm hoặc đưa cho người dạy. Mục đích của việc này là làm cho học viên sáng tỏ thêm nội dung và chương trình của mình. Việc giao cho SV viết các bài tiểu luận theo chủ đề có tác dụng rất tốt không chỉ để họ nắm được các thông tin liên quan đến chủ đề đó mà rèn luyện họ rất tốt về cách khai thác tài liệu và cách viết tài liệu khoa học. Việc này đòi hỏi hệ thống thư viện của nhà trường cần phải được nâng cấp để có đủ nguồn tài liệu và tiện lợi cho SV tra cứu. Hiện nay nhìn chung kỹ năng viết của SV đại học và thậm chí cả cao học và nghiên cứu sinh của chúng ta rất yếu. Nguyên nhân chính có lẽ là do không được chú trọng luyện về vấn đề này và không được thực hành thường xuyên thông qua việc viết các tiểu luận chuyên đề.

2.4.4. Tăng cường các bài kiểm tra: Các câu hỏi ngắn trên lớp giúp học viên đánh giá được sự tiếp thu và ghi nhớ của họ hoặc để ôn lại kiến thức trước khi sang một bài mới. Các bài kiểm tra giữa kỳ giúp đánh giá tiến độ học tập của SV và cho sinh biết phải làm gì để có kết quả học tập tốt hơn. Các bài kiểm tra này nên được tính vào điểm xếp loại cuối kỳ và có thể báo trước hoặc không báo trước. Nếu có các bài kiểm tra “tiền độ” thì SV sẽ phải tích cực học tập hơn, đặc biệt là tự học “ở nhà” để đối phó với việc kiểm tra đó. Dù là học đối phó và có thể SV không được “hứng thú” thì kết quả cuối cùng vẫn là tích cực hơn.

2.4.5. Phối hợp giảng dạy: Một môn học được nhiều người cùng tham gia giảng dạy sẽ làm cho việc giảng dạy đỡ đơn điệu hơn. Hơn nữa, khi mỗi GV được phân công chịu trách nhiệm một vài chương hay chuyên đề của môn học thì sẽ có điều kiện đầu tư chuẩn bị cho bài giảng được tốt hơn, chất lượng giảng dạy sẽ cao hơn, học sinh sẽ thu được nhiều kiến thức cập nhật hơn và do vậy sẽ thích học hơn.

3. Kết luận

Để có động cơ tích cực học tập, người học phải tự ý thức được hoặc cần được giúp đỡ để nhận thức được rằng học trước hết là cho bản thân mình và chính mình là người phải biết cách biến kiến thức chưa khai phá thành tài sản riêng. Ngược lại, việc dạy cần hướng vào phát triển cá nhân sao cho cá nhân đó thấy hứng thú học tập vì biết rằng mình có thể áp dụng những kiến thức thu được ở trường học vào công việc ngoài đời và trong suốt cả cuộc đời của họ. Đồng thời, quá trình đào tạo đại học phải giúp SV biết rèn luyện việc tự học và duy trì việc học suốt đời, chứ không chỉ dừng lại sau khi tốt nghiệp đại học hoặc chỉ học khi đến trường học.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Ngọc Bích (1998), *Tâm lý học nhân cách*, NXB Giáo dục, Hà Nội
2. Ngô Minh Duy (2011), *Động cơ chọn nghề của học sinh lớp 12 tại một số trường ở Tp.HCM*, luận văn Tâm lý học, Tp.HCM.
3. Nguyễn Thị Duyên (2015), *ĐCHT một số môn học thực hành của học viên trường Trung cấp Cảnh sát vũ trang*, NXB ĐHQG Hà Nội
4. Trần Đức Hiền dịch và Phan Thăng hiệu đính (2006), *Tâm lý học, nguyên lý và ứng dụng*, NXB Lao động Xã hội.
5. Nguyễn Trọng Nhân, Trương Trọng Thủy (2014), *Những nhân tố ảnh hưởng đến ĐCHT của SV ngành Việt Nam Học Trường Đại học Cần Thơ*, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ số 33 – 2014